

Bản án số: 807/2020/DS-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 118/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174^B/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T Trụ sở: 266-268, Phường B, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Có ông Lã Ngọc M, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 45/2020/UQ-TTT ngày 18/02/2020. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1974

Địa chỉ: 159/46/33 Trần Văn Đ, Phường U, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng T có ông Lã Ngọc M là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng H có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng 03 Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), cụ thể: Ngày 21/11/2011 ký cấp thẻ Visa Credit Classic 472074-1067 hạn mức 40.000.000 đồng; ngày 27/3/2013 ký cấp thẻ Family Local Credit 970403-6950 hạn mức 40.000.000 đồng; ngày 15/7/2013 ký cấp thẻ JCB Moterr Classic 356480-9244 hạn mức 40.000.000 đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp 03 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực

hiện các giao dịch với tổng số tiền như sau: Thẻ Visa Credit Classic 472074-1067 là 102,395,275 đồng; thẻ Family Local Credit 970403-6950 là 56,650,000 đồng; thẻ JCB Moterr Classic 356480-9244 là 8,000,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông H đã thực hiện các giao dịch và thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể: Thẻ Visa Credit Classic 472074-1067 số tiền giao dịch là 102.395.275 đồng, số tiền thanh toán là 112.451.000 đồng; thẻ Family Local Credit 970403-6950 giao dịch: 56.650.000 đồng và thanh toán: 62.979.015 đồng ; thẻ JCB Moterr Classic 356480-9244 giao dịch: 8.000.000 đồng và thanh toán: 2.740.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng 03 thẻ trên và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 02/12/2019, ông H còn nợ tổng cả 03 thẻ tín dụng số tiền là 104.604.977 đồng, trong đó: nợ gốc: 42.781.757 đồng, lãi quá hạn: 61.823.220 đồng. Tổng cộng là: 104.604.977 đồng, (cụ thể: Thẻ Visa Credit Classic 472074-1067 nợ gốc là 9.612.244 đồng, lãi quá hạn là 12.337.602 đồng tương ứng với mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng: 3,225%/tháng ($2,15\% \times 150\%$), dư nợ là 21.949.846 đồng; thẻ Family Local Credit 970403-6950 nợ gốc là 24.918.132 đồng, lãi quá hạn là 37.284.156 đồng tương ứng với mức lãi suất: 3,75%/tháng ($2,5\% \times 150\%$), dư nợ là 62.202.288 đồng; thẻ JCB Moterr Classic 356480-9244 nợ gốc là 8.251.381 đồng, lãi quá hạn là 12.201.462 đồng tương ứng với mức lãi suất: 3,75%/tháng ($2,5\% \times 150\%$), dư nợ là 20.452.843 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Hoàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Nay với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết: Buộc ông Nguyễn Hoàng H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền của 03 thẻ tạm tính đến ngày 02/12/2019, ông H còn nợ tổng cả 03 thẻ tín dụng số tiền là 104.604.977 đồng, trong đó: nợ gốc: 42.781.757 đồng, lãi quá hạn: 61.823.220 đồng. Tổng cộng là: 104.604.977 đồng.

Ông Nguyễn Hoàng H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 03/12/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Kính đề nghị Quý Tòa xem xét, tạo điều kiện để Ngân hàng thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng ông H vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ngân hàng T có ông Lã Ngọc M là đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn Ngân hàng T có ông Lã Ngọc M là đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của 03 thẻ tín dụng tạm tính đến hết ngày 18/9/2020 là 117.870.738 đồng, trong đó nợ gốc là: 42.781.757 đồng, nợ lãi quá hạn là: 75.088.981 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 239/TB-TLVA ngày 06/3/2020. Nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Ông H cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 3 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là tranh chấp về dân sự mà cụ thể là ‘tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng’ được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H có địa chỉ tại 159/46/33 Trần Văn Đ, Phường U, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh theo hình thức tạm trú dài hạn KT3 số sổ 0900 do Công an Phường 11, Quận 3 cấp ngày 19/12/2007 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

Căn cứ kết quả xác minh cho thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông Nguyễn Hoàng H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của bị đơn được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đơn Ngân hàng T có ông Lê Ngọc M là đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng T và ông Nguyễn Hoàng H.

[3]. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: “Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực này mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”.

Do “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” và “Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng 03 thẻ tín dụng của Ngân hàng T” được Ngân hàng T phê duyệt lần lượt vào các ngày 21/11/2011, ngày 27/3/2013, ngày 15/7/2013 và tranh chấp phát sinh lần lượt kể từ ngày 26/08/2016 đối với thẻ Visa Credit Classic, Family Local Credit là ngày 23/08/2016, JCB Moterr Classic là ngày 06/09/2016 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

[4]. Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Về nợ gốc: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng được Ngân hàng phê duyệt cụ thể: Ngày 21/11/2011 ký cấp thẻ Visa Credit Classic 472074-1067 hạn mức 40.000.000 đồng; ngày 27/3/2013 ký cấp thẻ Family Local Credit 970403-6950 hạn mức 40.000.000 đồng; ngày 15/7/2013 ký cấp thẻ JCB Moterr Classic 356480-9244 hạn mức 40.000.000 đồng. Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp 03 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất và thứ tự thanh toán các khoản áp dụng theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Điều 20).

Việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 và quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (trong đó thẻ

Visa Credit Classic 472074-1067 là ngày 26/08/2016, Family Local Credit là ngày 23/08/2016, JCB Moterr Classic 356480-9244 là ngày 06/09/2016) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”.

Căn cứ tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Tại Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”

Nay, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng H phải thanh toán khoản số tiền nợ gốc của 03 thẻ tín dụng tạm tính đến hết ngày 18/9/2020 là: 42.781.757 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về nợ lãi:

Lãi suất được thỏa thuận theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (tại Điều 22 và Điều 23) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016.

Do đó nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H phải trả khoản lãi của 03 thẻ tín dụng tạm tính đến hết ngày 18/9/2020 tổng cộng 75.088.981 đồng, cụ thể: Thẻ Visa Credit Classic 472074-1067 nợ gốc là 9.612.244 đồng, lãi quá hạn là 15.344.505 đồng tương ứng với mức lãi suất là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng: 3,225%/tháng ($2,15\% \times 150\%$), dư nợ 24.956.749 đồng; thẻ Family Local Credit 970403-6950 nợ gốc là 24.918.132 đồng, lãi quá hạn là 44.541.640 đồng tương ứng với mức lãi suất: 3,75%/tháng ($2,5\% \times 150\%$), dư nợ là 69.459.772 đồng; thẻ JCB Moterr Classic 356480-9244 nợ gốc là 8.251.381 đồng, lãi quá hạn là 15.202.836 đồng tương ứng với mức lãi suất: 3,75%/tháng ($2,5\% \times 150\%$), dư nợ là 23.454.217 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, xét Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 18/9/2020 là 117.870.738 đồng, trong đó nợ gốc là: 42.781.757 đồng, nợ lãi quá hạn là: 75.088.981 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Thông tư số 19/2016/TTNHN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà Nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 18/9/2020 là 117.870.738 (*một trăm mười bảy triệu tám trăm bảy mươi ngàn bảy trăm ba mươi tám*) đồng, trong đó nợ gốc là: 42.781.757 đồng, nợ lãi quá hạn là: 75.088.981 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hoàng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.893.537 đồng, ông Nguyễn Hoàng H phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng T 2.615.124 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0007263 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T và ông Nguyễn Hoàng H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;

- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

Phạm Văn Tuấn